



Số: 216 /2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 10/5/2025 và 13/5/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B $K_v = 1; K_p = 0,9$	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B $K_v=1; K_p=0,9$
				PL – KT1		
1	Lưu lượng	US EPA Method 02	m ³ /h	20.269	-	-
2	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.02	°C	325	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	58,6	180	180
4	SO ₂	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	55,8	450	450
5	NO _x	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	57,15	765	765
6	CO	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	758,1	900	-
7	H ₂ S*	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	3,04	6,75	-
8	NH ₃ *	JIS K 0099:2004	mg/Nm ³	0,865	-	45
9	H ₂ SO ₄ *	USEPA Method 8	mg/Nm ³	2,29	45	45
10	HF*	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,47	18	-
11	F*	US EPA Method 13A	mg/Nm ³	0,902	-	45

Ghi chú:

- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện;
- PL-KT1: Khí thải tại ống khói lò cao 1, tọa độ: X: 2235575; Y: 600421;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

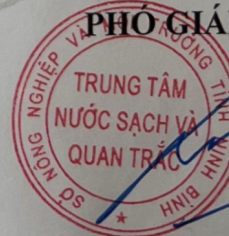
TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Vân Anh

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC

Trương Văn Công

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Dũng



Số: 24/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 10/5/2025 và 13/5/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B $K_v = 1; K_p = 0,9$	QCVN 21:2009/ BTNMT Cột B $K_v = 1; K_p = 0,9$
				PL - KT2		
1	Lưu lượng	US EPA Method 02	m ³ /h	15.347	-	-
2	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.02	°C	270	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	52,9	180	180
4	SO ₂	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	51,09	450	450
5	NO _x	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	47	765	765
6	CO	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	291,84	900	-
7	H ₂ S*	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	3,12	6,75	-
8	NH ₃ *	JIS K 0099:2004	mg/Nm ³	0,732	-	45
9	H ₂ SO ₄ *	USEPA Method 8	mg/Nm ³	2,3	45	45
10	HF*	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	0,47	18	-
11	F*	US EPA Method 13A	mg/Nm ³	0,871	-	45

Ghi chú:

- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện;
- PL-KT2: Khí thải tại ống khói lò cao 3, tọa độ: X: 2235586; Y: 600343;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Vân Anh

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC

Trương Văn Công

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Dũng



Số: 218/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 14/05/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_p = 1; K_v = 1$
				PL – KT3		
1	Lưu lượng	US EPA Method 02	m ³ /h	10.980	-	-
2	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.02	°C	39	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	29,2	200	200
4	SO ₂	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	2,62	500	500
5	NO _x	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	2,068	850	850
6	CO	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	8,322	1.000	-

Ghi chú:

- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện;
- PL-KT3: Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy nóng 1), tọa độ X: 2234633, Y: 600453;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

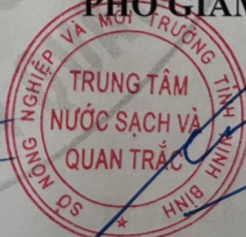
TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân Anh

Trương Văn Công



Phạm Lê Dũng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ QUAN TRẮC

Địa chỉ: đường Trịnh Tú, xã Ninh Nhất, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02293.889698 Fax: 02293.889698

Số: 219 /2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình

Loại mẫu: Khí thải

Số lượng mẫu: 01

Ngày lấy mẫu: 14/05/2025

Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL – KT4		
1	Lưu lượng	US EPA Method 02	m ³ /h	11.738	-	-
2	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.02	°C	39	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	31,3	200	200
4	SO ₂	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	50,3	500	500
5	NO _x	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	46,06	850	850
6	CO	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	125,4	1000	-

Ghi chú:

- PL-KT4: Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy nóng 2), tọa độ X:2334634;Y:600458;

- Quy chuẩn so sánh : QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân Anh

Trương Văn Công



Phạm Lê Dũng



Số: 220 /2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 14/05/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL – KT5		
1	Lưu lượng	US EPA Method 02	m ³ /h	10.046	-	-
2	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.02	°C	52	-	-
3	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	56,3	200	200
4	SO ₂	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	0	500	500
5	NO _x	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	1,504	850	850
6	CO	SOP.QT.KT.08	mg/Nm ³	7,638	1000	-

Ghi chú:

- PL-KT5: Ống khói từ khu vực sấy lân 1; tọa độ X: 2234786, Y: 600564;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Vân Anh

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC

Trương Văn Công

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Dũng



Số: 221/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 14/5/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL – KT6		
1	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	27,2	200	200

Ghi chú:

- PL-KT6: Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 1), tọa độ X:2234653; Y: 600459;
- Quy chuẩn so sánh : QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

**TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Vân Anh

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC**

Trương Văn Cộng

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Lê Dũng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ QUAN TRẮC

Địa chỉ: đường Trịnh Tú, xã Ninh Nhất, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: 02293.889698 Fax: 02293.889698

Số: 222/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 13/5/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

3,	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL - KT7		
1	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	29,3	200	200

Ghi chú:

- PL-KT7: Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 2), tọa độ X: 2234636; Y: 600456;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

**TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Vân Anh

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC**

Trương Văn Công

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Lê Dũng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ QUAN TRẮC

Địa chỉ: đường Trịnh Tú, xã Ninh Nhất, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02293.889698 Fax: 02293.889698

Số: 223 /2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình

Loại mẫu: Khí thải

Số lượng mẫu: 01

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL – KT8		
1	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	54,2	200	200

Ghi chú:

- PL-KT8: Ống khói khu vực đóng bao, tọa độ X: 2234417; Y: 600580;

- Quy chuẩn so sánh : QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

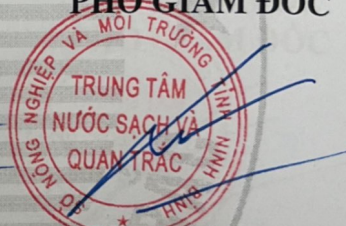
**TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Vân Anh

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC**

Trương Văn Công

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Lê Dũng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ QUAN TRẮC

Địa chỉ: đường Trịnh Tú, xã Ninh Nhất, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02293.889698 Fax: 02293.889698

Số: 224/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 14/5/2025
Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (B) $K_v = 1; K_p = 1$	QCVN 21:2009/ BTNMT (B); $K_v = 1; K_p = 1$
				PL - KT9		
1	Bụi tổng	US EPA Method 05	mg/Nm ³	44,7	200	200

Ghi chú:

- PL-KT9: Ống khói khu vực nghiền, toạ độ X: 2234424; Y: 600587;
- Quy chuẩn so sánh : QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

**TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Vân Anh

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC**

Trương Văn Công

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Lê Dũng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ QUAN TRẮC

Địa chỉ: đường Trịnh Tú, xã Ninh Nhất, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02293.889698 Fax: 02293.889698

Số: 225/2025/NSQT-QT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Địa chỉ: xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình

Loại mẫu: Nước thải

Số lượng mẫu: 01

Ngày lấy mẫu: 13/05/2025

Ngày trả kết quả: 30/06/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A; K=1,2
				PL- NTSH	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,22	5 – 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	20,3	60
3	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2017	27,1	36
4	NH ₄ ⁺	mg/l	TCVN 6179-1:1996	3,35	6
5	S ²⁻ *	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH	1,2
6	PO ₄ ³⁻	mg/l	TCVN 6202:2008	0,936	7,2
7	NO ₃ ⁻	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	2,56	36
8	Tổng HDBM*	mg/l	SMEWW 5540 B&C:2017	KPH	6
9	Dầu mỡ ĐTV*	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	KPH	12
10	Coliform*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	2.100	3.000

Ghi chú:

- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện;
- PL-NTSH: Cửa thoát nước sinh hoạt chảy ra sông Yên, tọa độ X:2234542;Y: 600517;
- Quy chuẩn so sánh QCVN 14:2008/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2025

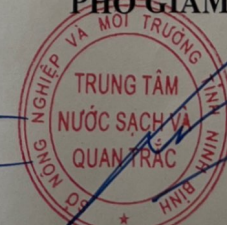
**TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Vân Anh

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUAN TRẮC**

Trương Văn Công

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Lê Dũng